TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/HSST
Ngày: 30/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Duôi.
Ông Lò Văn Quốc.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Quốc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/6/2025 và ngày 30/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HS ngày 16/6/2025 đối với các bị cáo:

1. Lường Văn U; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1989 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lường Văn X, sinh năm: 1967 và bà: Lường Thị N, sinh năm: 1966; Bị cáo có vợ: Lừ Thị G, sinh năm: 1993 và 03 con, con lớn 07 tuổi nhỏ 02 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

2. Lường Văn X; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1995 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lường Văn C, sinh năm 1967 và bà: Quàng Thị L, sinh năm: 1966; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 28/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

3. Lò Văn C; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1985 tại xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Công Mường, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn P, sinh năm 1963 và bà: Lò Thị K, sinh năm: 1966; Bị cáo có vợ: Cà Thị H, sinh

năm:1990 và 03 con lớn 17 tuổi nhỏ 01 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

4. Lò Thị T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1985 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản D, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn N, sinh năm: 1949 và bà: Cà Thị S, sinh năm 1955; Bị cáo có chồng: Lò Văn M (Đã chết) và có 01 con, 20 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

5. Quàng Văn D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1992 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản D, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn T (đã chết) và bà: Lường Thị P, sinh năm: 1964; Bị cáo có vợ: Quàng Thị T, sinh năm 1994, và 02 con lớn 13 tuổi nhỏ 8 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

6. Lò Văn S; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1994 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn B, Sinh năm: 1970 và bà: Lò Thị Y, sinh năm: 1973; Bị cáo có vợ Lường Thị T, sinh năm: 2000, và 02 con lớn 06 tuổi nhỏ 02 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

7. Quàng Thị N; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1988 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn T (Đã chết) và bà: Lường Thị P, sinh năm 1964; Bị cáo có chồng: Cà Văn P, sinh năm 1969 và có 05 con, lớn nhất 20 tuổi, nhỏ nhất 10 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

8. Lò Thị Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1992 tại xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản B, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn N, sinh năm 1949 và bà: Cà Thị S, sinh năm 1955; Bị cáo có chồng: Lường Văn T, sinh năm: 1989 và 02 con lớn 15 tuổi, nhỏ 7 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

9. Lò Văn T1; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1976 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản D, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn M (đã chết) và bà: Lò Thị T, sinh năm: 1954; Bị cáo có vợ: Lường Thị H, sinh năm: 1978, và 03 con lớn nhất 26 tuổi, nhỏ nhất 22 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

10. Thào A V; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1985 tại xã L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tỉnh; Nơi cư trú: Bản N, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ (Đảng, đoàn thể): Là Đảng viên đang sinh hoạt tại Chi bộ bản Nn, Đảng ủy xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 16/6/2025; Con ông: Thào Sua V, sinh năm: 1964 và bà: Vàng Thị D, sinh năm: 1966; Bị cáo có vợ: Ly Thị T, sinh năm: 1986 (đã ly hôn), và 02 con lớn 19 tuổi, nhỏ 17 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

11. Quàng Văn T2; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1990 tại xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản D, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn P, sinh năm 1962 và bà: Lò Thị B, sinh năm: 1962; Bị cáo có vợ: Lò Thị N, sinh năm: 1994 (Đã ly hôn), và có 01 con, 14 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án***: Ông **Lò Văn C**; Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 00 phút ngày 29/4/2025 Tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại khu vực tại bản C, xã C, huyện Thuận Châu phát hiện bắt quả tang 11 đối tượng gồm: Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng cá cược, sát phạt nhau thắng thua bằng tiền tại tầng 02 nhà ở của ông Lò Văn C, sinh năm: 1974 và bà Quàng Thị C, sinh năm: 1974, cùng trú tại: Bản C, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

* Vật chứng thu giữ gồm:

1. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 200.000 đồng tạm giữ tại vị trí ngồi đánh bạc trước mặt của Thào A V.

2. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.300.000 đồng tạm giữ tại vị trí ngồi đánh bạc trước mặt của Lò Văn S.

3. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.400.000 đồng tạm giữ tại vị trí ngồi đánh bạc trước mặt của Quàng Văn D.

4. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.550.000 đồng tạm giữ tại vị trí ngồi đánh bạc trước mặt của Lò Văn T1.

5. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 1.550.000 đồng tạm giữ tại vị trí ngồi đánh bạc trước mặt của Lò Văn C.

6. Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 500.000 đồng tạm giữ tại chiếu bạc nơi các đối tượng ngồi đánh bạc.

7. Một bộ tú lơ khơ 52 quân bài, màu xanh, đã qua sử dụng cũ.

8. Một chiếu nhựa có họa tiết màu trắng, vàng, đen, kích thước 1,9m x 2,0m, đã qua sử dụng cũ.

Ngày 30/4/2025 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: D15/QĐT ngày 30/4/2025 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định số tiền: 7.500.000 đồng thu giữ của Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D và Quàng Văn T2 vào ngày 29/4/2025.

Tại Kết luận giám định số: 522 ngày 05/5/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Số tiền 7.500.000 VNĐ gửi giám định là tiền thật. Hoàn lại đối tượng giám định: Toàn bộ số tiền gửi giám định.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đã khai nhận như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 28/4/2025 Lường Văn U, Lường Văn X, Lò Văn S, Thào A V, Lò Văn T1, Lò Văn C, Lò Thị T, Lò Thị Đ, Quàng Thị N lần lượt đến nhà ông Lò Văn C tại bản C, xã C, huyện Thuận Châu để ăn cơm và uống rượu. Sau khi ăn cơm uống rượu xong đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì Lường Văn U có rủ Lường Văn X, Lò Văn S, Thào A V, Lò Văn T1, Lò Văn C, Lò Thị T, Lò Thị Đ, Quàng Thị N đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng cá cược thắng thua bằng tiền với tỷ lệ cá cược mỗi người góp gà 50.000đ/ván, tố tối đa 100.000 đồng, tố tối thiểu 50.000 đồng, không giới hạn lượt tố thì được mọi người đồng ý. Sau đó Lường Văn U, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lò Thị T đi lên tầng hai nhà ở của Lò Văn C để đánh bạc trước, còn những người còn lại vẫn đang ngồi nói chuyện ở dưới tầng một nhà ở của Lò Văn C. Khi lên đến tầng hai thì Lò Thị T tự lấy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài màu xanh có sẵn trên kệ tủ trong phòng rồi sau đó 04 người (*Lường Văn U, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lò Thị T)* cùng ngồi xuống chiếu nhựa có họa tiết màu trắng, vàng, đen, kích thước 1,9m x 2,0m

đã trải sẵn trên nền nhà bắt đầu chia bài đặt tiền đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng cá cược nhau bằng tiền với hình thức chơi cụ thể như sau:

Trước khi chia bài thì mỗi người chơi đều bỏ ra số tiền: 50.000 đồng đặt xuống chiếu bạc để góp tiền làng- Tiền cá cược *(Góp gà)*, sau đó mỗi người được chia 03 quân bài, sau khi mọi người kiểm tra bài thì người chia bài nếu xét thấy bài của mình có thể thắng những người còn lại thì sẽ là người đầu tiên đưa ra mức cá cược *(Tố)* với mức thấp nhấp là 50.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng và bỏ số tiền mà mình cá cược xuống chiếu bạc, người tiếp theo được tham gia cá cược là người ngồi bên tay phải theo thứ tự ngồi của người chia bài (*Ngược chiều kim đồng hồ*), nếu thấy bài của mình yếu thì có thể úp bài và chịu thua mất số tiền mình đã góp làng và đã cá cược, nếu xét thấy bài mình mạnh thì tham gia cá cược và đặt tiền cá cược xuống chiếu bạc, số tiền cá cược không được ít hơn mà phải bằng hoặc cao hơn số tiền người đã cá cược trước đó và không giới hạn số lần cá cược (*Lần tố)* trong một ván. Khi chỉ còn 02 người tham gia cá cược hoặc khi mọi người cùng thống nhất mở bài thì mọi người sẽ so bài với nhau để tìm người duy nhất thắng cuộc theo thứ tự từ lớn đến thấp cụ thể là: Sáp, Liêng, Ảnh, Điểm. Trong đó: Sáp là có 3 quân bài giống nhau thấp nhất là 222, cao nhất là AAA, - Liêng là có 3 quân bài thứ tự liền kề nhau, thấp nhất là A23, cao nhất là QKA- Ảnh là có 3 quân bài từ J đến K trong đó có 01 quân bài không trùng với 2 quân bài còn lại, thấp nhất là JJQ, cao nhất là KKQ - Điểm là thấp nhất sẽ cộng điểm của 3 quân bài lại (*Không cộng tính điểm quân bài từ 10 đến K)* theo thang điểm 9, ai cao điểm hơn là người thắng cuộc. Người thắng cuộc sẽ được hưởng toàn bộ số tiền mà những người còn lại đã góp tiền làng và đã cá cược bỏ xuống chiếu bạc. mỗi ván chơi người chơi có thể cá cược *(Tố)* hoặc không cá cược, nếu có 02 người trở lên có sáp, liêng, ảnh hoặc điểm bằng nhau thì sẽ so bài Sáp, Liêng, Ảnh, Điểm ai cao nhất sẽ thắng, nếu điểm bằng nhau thì sẽ so chất từ lớn đến bé là theo thứ tự là: Rô, Cơ, Nhép, Bích.

Khi cả 04 người đánh bạc đến khoảng 15 phút thì có Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Lò Thị Đ, Quàng Thị N cùng đi lên tầng 2 và tham gia đánh bạc với hình thức chơi và tỷ lệ cá cược như ban đầu. Mọi người đánh bạc đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày thì Lò Thị T, Lường Văn X, Quàng Thị N, Lò Thị Đ lần lượt hết tiền nên nghỉ đánh bạc và ngồi xem những người còn lại (Gồm: *Ương, Sơn, Thanh, C, Và*) tiếp tục đánh bạc. Sau đó Ương, Sơn, Thanh, C, Và tiếp tục đánh bạc đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì có Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đến và tham gia ngồi đánh bạc cùng Ương, Sơn, Thanh, C, Và với hình thức chơi và tỷ lệ cá cược như ban đầu. Đánh được một lúc do thua hết tiền nên Ương nghỉ ngồi xem mọi người đánh bạc. Khi Sơn, Thanh, C, Và, Dũng, T2 đang đánh bạc còn Lò Thị T, Lường Văn X, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Lường Văn U đang ngồi xem mọi người đánh bạc đến khoảng 00 giờ 00 phút ngày 29/4/2025 thì bị Tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Sơn La phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Sau đó các đối tượng cùng vật chứng đã được dẫn giải lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định được tổng số tiền các đối tượng Lường Văn U, Lường Văn X, Lò Văn C, Lò Thị T, Quàng Văn D, Lò Văn S, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Lò Văn T1, Thào A V và Quàng Văn T2 sử dụng vào mục đích đánh bạc là: 7.500.000 đồng trong đó số tiền từng người sử dụng vào việc đánh bạc và số tiền thắng, thua bạc tại thời điểm bị bắt giữ cụ thể như sau:

- Lường Văn U mang theo số tiền 1.000.000 đồng, Ương sử dụng toàn bộ số tiền: 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Ương đã thua toàn bộ số tiền 1.000.000 đồng nên không thu giữ gì của Lường Văn U.

- Lò Thị T mang theo số tiền 900.000 đồng, Tươi sử dụng toàn bộ số tiền: 900.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Tươi đã thua toàn bộ số tiền 900.000 đồng nên không thu giữ gì của Lò Thị T.

- Lò Văn S mang theo số tiền 800.000 đồng, Sơn sử dụng toàn bộ số tiền: 800.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Sơn đang thắng bạc số tiền 500.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của Sơn số tiền: 1.300.000 đồng.

- Lò Văn T1 mang theo số tiền 400.000 đồng, Thanh sử dụng toàn bộ số tiền: 400.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Thanh đang thắng bạc số tiền 2.150.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của Thanh số tiền: 2.550.000 đồng.

- Lường Văn X mang theo số tiền 300.000 đồng, X sử dụng toàn bộ số tiền: 300.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ X đã thua toàn bộ số tiền 300.000 đồng nên không thu giữ gì của Lường Văn X.

- Thào A V mang theo số tiền 400.000 đồng, Và sử dụng toàn bộ số tiền: 400.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Và đang thua bạc số tiền 200.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của Và số tiền: 200.000 đồng.

- Lò Văn C mang theo số tiền 1.600.000 đồng, C sử dụng toàn bộ số tiền: 1.600.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ C đang thua bạc số tiền 50.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của C số tiền: 1.550.000 đồng.

- Quàng Thị N mang theo số tiền 500.000 đồng, Ngoai sử dụng toàn bộ số tiền: 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Ngoai đã thua toàn bộ số tiền 500.000 đồng nên không thu giữ gì của Quàng Thị N.

- Lò Thị Đ mang theo số tiền 500.000 đồng, Đoàn sử dụng toàn bộ số tiền: 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Đoàn đã thua toàn bộ số tiền 500.000 đồng nên không thu giữ gì của Lò Thị Đ.

- Quàng Văn D mang theo số tiền 900.000 đồng, Dũng sử dụng toàn bộ số tiền: 900.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ Dũng đang thắng bạc số tiền 500.000 đồng nên khi bị bắt giữ thu giữ của Dũng số tiền: 1.400.000 đồng.

- Quàng Văn T2 mang theo số tiền 200.000 đồng, T2 sử dụng toàn bộ số tiền: 200.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt giữ T2 đã thua toàn bộ số tiền 200.000 đồng nên không thu giữ gì của Quàng Văn T2.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKST ngày 16/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị

N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh đã nêu ở trên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 phạm tội: Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lường Văn X từ 07 đến 10 tháng tù. Khấu trừ đi 8 ngày bị bắt, tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lường Văn U từ 8 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 08 ngày bắt, tạm giữ bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt các bị cáo Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 mỗi bị cáo từ 07 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi mỗi bị cáo là 08 ngày bắt, tạm giữ bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Quàng Thị N, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 cho UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Quàng Thị N, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Lò Thị Đ cho UBND xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lò Thị Đ có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lò Văn C cho UBND xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Thào A V cho UBND xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có

trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lường Văn X.

-Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: Một bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài đã qua sử dụng cũ; Một chiếc chiếu nhựa có họa tiết màu trắng, vàng, đen, kích thước 1,9m x 2,0m, đã qua sử dụng cũ.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.500.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Thào A V, Lò Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

Các bị cáo đều nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì thêm. Lời nói sau cùng bị cáo Lường Văn X đã thực sự nhận ra lỗi lầm, rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin miễn hình phạt bổ sung và án phí. Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đều xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và cộng đồng xã hội, xin miễn khấu trừ thu nhập, xin miễn hình phạt bổ sung. Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn C: Xét thấy tài liệu có trong hồ sơ đã có lời khai, các biên bản trong hoạt động điều tra tại cơ quan điều tra, đã được tống đạt hợp lệ. Tại phiên tòa Kiểm sát viên, các bị cáo đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D và Quàng Văn T2: Ngày 29/4/2025 tại bản C, xã C huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D và Quàng Văn T2 bị bắt quả tang về hành vi đánh bằng hình thức chơi Liêng sát phạt nhau bằng tiền, với tổng số tiền sử dụng vào việc Đánh bạc là: 7.500.000 đồng.

Xét hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật bởi: Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D và Quàng Văn T2 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi Liêng sát phạt nhau bằng tiền tại nhà ông Lò Văn C và bà Quàng Thị C với mục đích tư lợi cá nhân, bị pháp luật nghiêm cấm. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của các bị cáo phù hợp với: Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra, biên bản phạm tội quả tang ngày 29/4/2025, Quyết định trưng cầu giám định, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D và Quàng Văn T2 thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo biết đánh bạc là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm, mặc dù số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn nhưng đã xâm phạm đến trật tự công cộng, tài sản của công dân, trật tự an toàn xã hội mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần lên một mức án mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lường Văn X đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, phạm tội

thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đều là nông dân, là lao động chính trong gia đình. Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Quàng Thị N, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Lường Văn X là hộ nghèo, bị cáo Lò Văn S, Quàng Thị N, Lò Thị Đ là hộ cận nghèo. Các bị cáo Lường Văn U, Lò Văn S, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đều đang nuôi con nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Bị cáo Lường Văn X có 01 tiền án (Chưa xóa tích) là nhân thân xấu.

Về vị trí vai trò của các đồng phạm: Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn trong tội đánh bạc, bị cáo Lường Văn U là người khởi xướng, rủ rê, bị cáo Lò Thị T chuẩn bị công cụ để thực hiện hành vi đánh bạc. Các bị cáo phạm tội mang tính chất bột phát, không có tổ chức, phân công đối với từng bị cáo, các bị cáo đều là người thực hành, cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là những người đồng phạm cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần vận dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để cá thể hóa mức hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D và Quàng Văn T2 đều có đơn

xin được hưởng án phạt cải tạo không giam giữ có bảo lãnh của gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương, lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát thấy rằng: Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú; đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên; đều có nơi cư trú rõ ràng, ổn định để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; xét thấy không cần cách ly ra ngoài xã hội bởi các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án mức án cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, cho các bị cáo cơ hội cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị kết hợp giáo dục, cải tạo và các bị cáo phải chịu sự giám sát cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, gia đình. Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025 là 08 ngày bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian bắt, tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với bị cáo Lường Văn X đã bị kết án, chưa được xóa án tích cần xử hình phạt tù có thời hạn nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian bắt, tạm giữ từ ngày 29/4/2025 đến ngày 06/5/2025.

[6] Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D và Quàng Văn T2 đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, do các bị cáo được Tòa án tuyên hình phạt chính là cải tạo không giam giữ cho nên mọi biện pháp ngăn chặn đang áp dụng phải được hủy bỏ do vậy Hội đồng xét xử Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đảm bảo đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với bị cáo Lường Văn X đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, do bị cáo phải thi hành hình phạt chính là phạt tù cho nên Hội đồng xét xử tiếp tục ra Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự và hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, xét thấy: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, đều có điều kiện kinh tế khó khăn, đều là lao động chính nuôi sống gia đình, thu nhập thấp chủ yếu từ nông nghiệp, không có tài sản, không có khả năng thi hành nên

Hội đồng xét xử miễn khấu trừ một phần thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Lường Văn X.

[8] Đối với ông Lò Văn C và bà Quàng Thị C là chủ nhà nơi các đối tượng tham gia đánh bạc. Quá trình điều tra xác định được ông Lò Văn C và bà Quàng Thị C không biết, không tham gia đánh bạc cùng các đối tượng và không tổ chức cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nên việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Lò Văn C và bà Quàng Thị C về tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[9] Về vật chứng: Đối với một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài màu xanh đã qua sử dụng cũ; Một chiếu nhựa có họa tiết màu trắng, vàng, đen, kích thước 1,9m x 2,0m, đã qua sử dụng cũ (Đây là tài sản của gia đình ông Lò Văn C đã sử dụng cũ, không có yêu cầu lấy lại cần chấp nhận) là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 7.500.000 đồng là tiền các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

(Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự).

[10] Về án phí: Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Quàng Thị N, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 đều là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Lường Văn X là hộ nghèo, bị cáo Lò Văn S, Quàng Thị N, Lò Thị Đ là hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Quàng Thị N, Quàng Văn D, Quàng Văn T2.

Các bị cáo Thào A V, Lò Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 phạm tội: Đánh bạc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lường Văn X 08 (Tám) tháng tù. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bị bắt, tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lường Văn U 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lò Thị T 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lò Văn S 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Thào A V 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lò Thị Đ 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lò Văn C 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Quàng Thị N 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn D 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn T2 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ đi 8 (Tám) ngày bắt, tạm giữ bằng 24 (Hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Quàng Thị N, Quàng Văn D và Quàng Văn T2 cho UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Quàng Thị N, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Lò Thị Đ cho UBND xã T, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lò Thị Đ có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Lò Văn C cho UBND xã T, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Thuận Châu giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Thào A V cho UBND xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 được quy định tại

khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lường Văn X.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ Một bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài màu xanh đã qua sử dụng cũ.

+ Một chiếc chiếu nhựa có họa tiết màu trắng, vàng, đen kích thước 1,9 x 2,0m đã qua sử dụng cũ.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền này được đựng trong một hòm tôn màu trắng (Mô tả chi tiết theo khoản 1 biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/6/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thuận Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu).

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Quàng Thị N, Quàng Văn D, Quàng Văn T2, Lò Thị Đ.

Các bị cáo Thào A V, Lò Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Lường Văn U, Lò Thị T, Lò Văn S, Lò Văn T1, Lường Văn X, Thào A V, Lò Văn C, Quàng Thị N, Lò Thị Đ, Quàng Văn D, Quàng Văn T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lò Văn C được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (02 bản);
- Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Thành ủy Thành phố Sơn La ;
- UBND xã C, huyện Thuận Châu;
- UBND xã T, huyện Thuận Châu;
- UBND xã T, huyện Thuận Châu;
- UBND xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải

- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.